TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST.
Ngày: 05-08-2025.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Nguyễn Văn Ba.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đinh Triều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai xét xử công khai vụ án thụ lý số 14/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 06 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2025/QĐ-ST ngày 14 tháng 07 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông T,** sinh năm 1986 có địa chỉ: Tổ A, khu B, xã C, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông K và bà L cùng địa chỉ: Công ty U, Khu trung tâm Hành chính, ấp X, xã N, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **H**, sinh năm 1992 địa chỉ: Tổ D, khu E, xã C, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 07 năm 2025 của nguyên đơn- T và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết, nguyên đơn trình bày:*

Ngày 12/02/2022, ông T có cho ông H vay số tiền 1.030.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi. Hai bên có ký giấy vay tiền ngày 12/02/2022. Trong đó thỏa thuận như sau:

Ngày 12/05/2022, ông H sẽ trả cho ông T số tiền 350.000.000 đồng.

Số nợ gốc còn lại là 760.000.000 đồng thì ông H sẽ trả dần cho ông T vào

ngày 15 đến ngày 20 hàng tháng.

Nếu ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nói trên thì ông H giao cho ông T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát: 60A-727.57 để xử lý nợ.

Ông H đã nhận của ông T số tiền 1.030.000.000 đồng nhưng sau đó lại không trả nợ cho ông T như đã thỏa thuận dù bên phía ông T đã nhiều lần yêu cầu. Thậm chí, khi ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận, ông T đã yêu cầu ông H giao lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát: 60A-727.57 để ông T xử lý nợ như đã thỏa thuận thì ông H cũng không giao xe.

Việc ông H vay tiền nhưng không trả nợ cho ông T đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông H phải trả cho ông T số tiền gốc là 1.030.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).

Đối với các yêu cầu tính lãi thì ông T xin rút yêu cầu khởi kiện.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn- ông H không hợp tác đến Tòa án để giải quyết nên không có ý kiến.*

** Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Đồng Nai:*

Thẩm phán thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc thu thập chứng cứ thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ông T, buộc ông H phải trả cho ông T số tiền gốc là 1.030.000.000 đồng (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng). Đối với các yêu cầu tính lãi thì đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết. Về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông T có ký kết giấy vay tiền cùng ông H ký ngày 12/02/2022. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông T khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2] Thẩm quyền giải quyết: Do các đương sự "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn- ông H có nơi cư trú tại xã O, huyện S (nay là xã C, tỉnh Đồng

Nai) nên thẩm quyền giải quyết thuộc huyện S, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai) theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Không có đương sự đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu nên không xem xét.

[4] Về thủ tục tố tụng: Qua xác minh tại Công an xã O, huyện S, tỉnh Đồng Nai thì ông H có đăng ký thường trú và đang ở tại tổ A, khu B, xã O, huyện S, tỉnh Đồng Nai (nay là tổ A, khu B, xã C, tỉnh Đồng Nai). Bị đơn- ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông H. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn-ông K vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt ông K.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Ông T xác định có cho H vay số tiền 1.030.000.000 đồng, hai bên có làm Hợp đồng vay tiền ngày 12/02/2022 và ông H có ký và viết họ tên vào hợp đồng. Theo thỏa thuận, ông H có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 12/05/2022 và số tiền 760.000.000 đồng vào ngày 15 đến 20 tây hàng tháng. Nếu ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận nói trên thì ông H giao cho ông T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát: 60A-727.57 để xử lý nợ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy vay nợ đã ký từ ngày 12/04/2022, cụ thể không trả nợ và cũng không giao cho ông T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda 3, biển kiểm soát: 60A-727.57 để xử lý nợ. Ông T xác định việc ký kết hợp đồng vay nợ là tự nguyện, không không trái quy định của pháp luật.

[5.2] Bị đơn- ông H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác đến Tòa án giải quyết nên không có ý kiến.

[5.3] Do đó, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-ông T, buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T toàn bộ nợ gốc: 1.030.000.000 đồng (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng) theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015.

[5.4] Đại diện theo ủy quyền của của nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi. Do đó, có căn cứ đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi.

[6] Về án phí:

[6.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- Ông T nên bị đơn- ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.900.000 đồng.

[6.2] Hoàn trả cho nguyên đơn- Ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.632.500 đồng theo biên lai thu số 0014511 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Đồng Nai).

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định nên

ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn-Ông T về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* đối với bị đơn-ông H.

Xử buộc ông H phải có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 1.030.000.000 đồng (Một tỷ ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ khi vay đến khi xét xử vụ án.

3. Về án phí:

Bị đơn- ông H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 42.900.000 (bốn mươi hai triệu chím tăm ngàn) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn- Ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.632.500 đồng theo biên lai thu số 0014511 ngày 30/12/2024 (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 tỉnh Đồng Nai).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ba – Lưu Đức Chung **Đào Ngọc Nam**

**** Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Ngọc Nam